

Số: 05/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 13 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện,
cấp xã tỉnh Nam Định, giai đoạn 2023 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ
Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và
phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính
phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
giai đoạn 2023-2025;

Xét Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương sắp
xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025;
Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương mở rộng địa giới hành chính thành phố
Nam Định; thành lập 03 phường và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Nam

Định, giai đoạn 2023 - 2025 do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tán thành chủ trương mở rộng địa giới thành phố Nam Định trên cơ sở nhập toàn bộ 74,49 km² diện tích tự nhiên, 84.045 người của huyện Mỹ Lộc vào 46,41 km² diện tích tự nhiên, 280.136 người của thành phố Nam Định. Sau khi mở rộng, thành phố Nam Định có 120,9 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 364.181 người.

Thành phố Nam Định giáp huyện Nam Trực, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; huyện Bình Lục, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

2. Tán thành chủ trương thành lập 03 phường thuộc thành phố Nam Định:

2.1. Thành lập phường Hưng Lộc trên cơ sở nhập toàn bộ: 5,25 km² diện tích tự nhiên, 8.071 người của xã Mỹ Hưng và 4,72 km² diện tích tự nhiên, 5.886 người của thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc. Sau khi thành lập, phường Hưng Lộc có 9,97 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 13.957 người.

Phường Hưng Lộc giáp xã Mỹ Lộc (mới), xã Mỹ Thắng, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định.

2.2. Thành lập phường Nam Phong trên cơ sở nguyên trạng 6,58 km² diện tích tự nhiên và 9.160 người của xã Nam Phong, thành phố Nam Định.

Phường Nam Phong giáp phường Nam Vân (mới), phường Cửa Nam, phường Lộc Hạ, phường Trần Hưng Đạo (mới), phường Vị Xuyên (mới), xã Mỹ Tân, thành phố Nam Định; xã Nam Điền (mới), huyện Nam Trực; tỉnh Thái Bình.

2.3. Thành lập phường Nam Vân trên cơ sở nguyên trạng 5,62 km² diện tích tự nhiên và 7.637 người của xã Nam Vân, thành phố Nam Định.

Phường Nam Vân giáp phường Năng Tĩnh (mới), phường Cửa Nam, phường Nam Phong (mới), thành phố Nam Định; xã Nam Điền (mới), xã Hồng Quang, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực.

3. Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Nam Định, giai đoạn 2023 - 2025, cụ thể như sau:

3.1. Thành lập xã Mỹ Lộc trên cơ sở nhập toàn bộ: 5,79 km² diện tích tự nhiên, 4.985 người của xã Mỹ Thành; 5,31 km² diện tích tự nhiên, 4.887 người của xã Mỹ Thịnh và 5,82 km² diện tích tự nhiên, 6.037 người của xã Mỹ Tiến.

Sau khi thành lập, xã Mỹ Lộc có 16,92 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 15.909 người.

Xã Mỹ Lộc giáp phường Hưng Lộc (mới), phường Lộc Hòa, xã Mỹ Thuận, xã Mỹ Thắng, xã Mỹ Hà, thành phố Nam Định; xã Đại An, xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản; tỉnh Hà Nam.

3.2. Thành lập phường Trường Thi trên cơ sở nhập toàn bộ: 3,33 km² diện tích tự nhiên, 7.674 người của xã Lộc An; 0,43 km² diện tích tự nhiên, 11.967 người của phường Văn Miếu và 0,68 km² diện tích tự nhiên, 17.768 người của phường Trường Thi. Sau khi thành lập, phường Trường Thi có 4,44 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 37.409 người.

Phường Trường Thi giáp phường Mỹ Xá, phường Lộc Hòa, phường Cửa Bắc (mới), phường Năng Tĩnh (mới), thành phố Nam Định; xã Tân Thành, xã Đại An, huyện Vụ Bản.

3.3. Thành lập phường Quang Trung trên cơ sở nhập toàn bộ: 0,59 km² diện tích tự nhiên, 20.391 người của phường Hạ Long; 0,68 km² diện tích tự nhiên, 9.556 người của phường Thống Nhất và 0,30 km² diện tích tự nhiên, 11.268 người của phường Quang Trung. Sau khi thành lập, phường Quang Trung có 1,57 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 41.215 người.

Phường Quang Trung giáp phường Lộc Hạ, phường Lộc Vượng, phường Vị Xuyên (mới), phường Trần Hưng Đạo (mới), phường Cửa Bắc (mới), thành phố Nam Định.

3.4. Thành lập phường Vị Xuyên trên cơ sở nhập toàn bộ: 0,73 km² diện tích tự nhiên, 13.064 người của phường Trần Tế Xương; 0,64 km² diện tích tự nhiên, 7.638 người của phường Vị Hoàng và 0,52 km² diện tích tự nhiên, 10.552 người của phường Vị Xuyên. Sau khi thành lập, phường Vị Xuyên có 1,89 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 31.254 người.

Phường Vị Xuyên giáp phường Lộc Hạ, phường Quang Trung (mới), phường Trần Hưng Đạo (mới), thành phố Nam Định.

3.5. Thành lập phường Trần Hưng Đạo trên cơ sở nhập toàn bộ: 0,39 km² diện tích tự nhiên, 8.520 người của phường Phan Đình Phùng; 0,21 km² diện tích tự nhiên, 6.362 người của phường Nguyễn Du và 0,36 km² diện tích tự nhiên, 6.713 người của phường Trần Hưng Đạo. Sau khi thành lập, phường Trần Hưng Đạo có 0,96 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 21.595 người.

Phường Trần Hưng Đạo giáp phường Vị Xuyên (mới), phường Quang Trung (mới), phường Cửa Bắc (mới), phường Năng Tĩnh (mới), thành phố Nam Định.

3.6. Thành lập phường Năng Tĩnh trên cơ sở nhập toàn bộ: 0,36 km² diện tích tự nhiên, 5.477 người của phường Ngô Quyền; 0,91 km² diện tích tự nhiên, 12.702 người của phường Trần Quang Khải và 0,79 km² diện tích tự nhiên, 12.947 người của phường Năng Tĩnh. Sau khi thành lập, phường Năng Tĩnh có 2,06 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 31.126 người.

Phường Năng Tĩnh giáp phường Trần Hưng Đạo (mới), phường Cửa Bắc (mới), phường Trường Thi (mới), thành phố Nam Định.

3.7. Thành lập phường Cửa Bắc trên cơ sở nhập toàn bộ: 0,27 km² diện tích tự nhiên, 7.399 người của phường Bà Triệu; 0,46 km² diện tích tự nhiên, 9.286 người của phường Trần Đăng Ninh và 0,64 km² diện tích tự nhiên, 14.638 người của phường Cửa Bắc. Sau khi thành lập, phường Cửa Bắc có 1,37 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 31.323 người.

Phường Cửa Bắc giáp phường Trần Hưng Đạo (mới), phường Quang Trung (mới), phường Lộc Vượng, phường Lộc Hòa, phường Trường Thi (mới), phường Năng Tĩnh (mới), thành phố Nam Định.

3.8. Thành lập xã Minh Tân, huyện Vụ Bản trên cơ sở nhập toàn bộ: 6,95 km² diện tích tự nhiên, 5.465 người của xã Minh Tân; 9,55 km² diện tích tự nhiên, 7.226 người của xã Tân Khánh và 9,34 km² diện tích tự nhiên, 10.566 người của xã Minh Thuận. Sau khi thành lập, xã Minh Tân có 25,84 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 23.257 người.

Xã Minh Tân giáp xã Hiến Khánh, xã Cộng Hòa, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản; xã Yên Mỹ, xã Yên Minh, huyện Ý Yên; xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc; tỉnh Hà Nam.

3.9. Thành lập xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản trên cơ sở nhập toàn bộ: 4,27 km² diện tích tự nhiên, 5.385 người của xã Tân Thành; 10,39 km² diện tích tự nhiên, 10.421 người của xã Liên Bảo và 12,40 km² diện tích tự nhiên, 16.803 người của xã Thành Lợi. Sau khi thành lập, xã Thành Lợi có 27,06 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 32.609 người.

Xã Thành Lợi giáp xã Đại An, xã Quang Trung, xã Kim Thái, xã Liên Minh, xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản; thị trấn Nam Giang, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực; xã Lộc An, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định.

3.10. Thành lập xã Trung Nghĩa, huyện Ý Yên trên cơ sở nhập toàn bộ: 5,68 km² diện tích tự nhiên, 4.185 người của xã Yên Thành; 5,08 km² diện tích tự nhiên, 5.445 người của xã Yên Nghĩa và 9,99 km² diện tích tự nhiên, 7.017 người của xã Yên Trung. Sau khi thành lập, xã Trung Nghĩa có 20,75 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 16.647 người.

Xã Trung Nghĩa giáp xã Yên Chính, xã Phú Hưng (mới), xã Tân Minh (mới), xã Yên Thọ, huyện Ý Yên; tỉnh Hà Nam.

3.11. Thành lập xã Phú Hưng, huyện Ý Yên trên cơ sở nhập toàn bộ: 6,91 km² diện tích tự nhiên, 4.937 người của xã Yên Hưng; 6,17 km² diện tích tự nhiên, 8.187 người của xã Yên Phú và 6,11 km² diện tích tự nhiên, 6.725 người của xã Yên Phương. Sau khi thành lập, xã Phú Hưng có 19,19 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 19.849 người.

Xã Phú Hưng giáp xã Yên Thọ, xã Trung Nghĩa (mới), xã Yên Phong, xã Yên Chính, xã Yên Khánh, huyện Ý Yên; tỉnh Ninh Bình.

3.12. Thành lập xã Tân Minh, huyện Ý Yên trên cơ sở nhập toàn bộ: 7,44 km² diện tích tự nhiên, 4.961 người của xã Yên Minh; 8,14 km² diện tích tự nhiên, 7.026 người của xã Yên Lợi và 8,32 km² diện tích tự nhiên, 6.754 người của xã Yên Tân. Sau khi thành lập, xã Tân Minh có 23,90 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 18.741 người.

Xã Tân Minh giáp xã Yên Bình, xã Yên Dương, xã Trung Nghĩa (mới), xã Yên Chính, huyện Ý Yên; xã Minh Tân (mới), huyện Vụ Bản; tỉnh Hà Nam.

3.13. Thành lập xã Hồng Quang, huyện Ý Yên trên cơ sở nhập toàn bộ: 7,02 km² diện tích tự nhiên, 5.272 người của xã Yên Quang; 7,15 km² diện tích tự nhiên, 6.712 người của xã Yên Hồng và 10,75 km² diện tích tự nhiên, 10.519 người của xã Yên Bằng. Sau khi thành lập, xã Hồng Quang có 24,92 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 22.503 người.

Xã Hồng Quang giáp xã Yên Phong, xã Yên Tiến, xã Yên Khang, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên; tỉnh Ninh Bình.

3.14. Thành lập xã Nam Điền, huyện Nam Trực trên cơ sở nhập toàn bộ: 3,95 km² diện tích tự nhiên, 4.937 người của xã Nam Toàn; 4,33 km² diện tích tự nhiên, 7.456 người của xã Nam Mỹ và 10,41 km² diện tích tự nhiên, 14.347 người của xã Điền Xá. Sau khi thành lập, xã Nam Điền có 18,69 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 26.740 người.

Xã Nam Điền giáp xã Nam Thắng, xã Tân Thịnh, xã Hồng Quang, xã Nghĩa An, xã Nam Cường, huyện Nam Trực; phường Nam Phong (mới), phường Nam Vân (mới), thành phố Nam Định; tỉnh Thái Bình.

3.15. Thành lập xã Xuân Giang, huyện Xuân Trường trên cơ sở nhập toàn bộ: 5,27 km² diện tích tự nhiên, 8.461 người của xã Xuân Đài; 5,94 km² diện tích tự nhiên, 11.080 người của xã Xuân Phong và 3,58 km² diện tích tự nhiên, 5.783 người của xã Xuân Thủy. Sau khi thành lập, xã Xuân Giang có 14,79 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.324 người.

Xã Xuân Giang giáp xã Xuân Tân, xã Xuân Hồng, xã Xuân Ngọc, xã Trà Lũ (mới), xã Thọ Nghiệp, xã Xuân Phú; xã Xuân Thành, xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường.

3.16. Thành lập xã Xuân Phúc, huyện Xuân Trường trên cơ sở nhập toàn bộ: 5,41 km² diện tích tự nhiên, 10.712 người của xã Xuân Hòa; 3,53 km² diện tích tự nhiên, 9.693 người của xã Xuân Kiên và 3,53 km² diện tích tự nhiên, 14.170 người của xã Xuân Tiến. Sau khi thành lập, xã Xuân Phúc có 12,47 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 34.575 người.

Xã Xuân Phúc giáp xã Xuân Vinh, xã Xuân Ninh, thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường; xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy; xã Hải Nam (mới), huyện Hải Hậu.

3.17. Thành lập xã Trà Lũ, huyện Xuân Trường trên cơ sở nhập toàn bộ: 3,18 km² diện tích tự nhiên, 8.843 người của xã Xuân Bắc; 2,21 km² diện tích tự nhiên, 9.497 người của xã Xuân Trung và 2,84 km² diện tích tự nhiên, 7.286 người của xã Xuân Phương. Sau khi thành lập, xã Trà Lũ có 8,23 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.626 người.

Xã Trà Lũ giáp xã Thọ Nghiệp, xã Xuân Ngọc, xã Xuân Vinh, xã Xuân Giang (mới), thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường.

3.18. Thành lập xã Đồng Thịnh, huyện Nghĩa Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ: 5,34 km² diện tích tự nhiên, 5.580 người của xã Nghĩa Minh; 6,03 km² diện tích tự nhiên, 7.350 người của xã Nghĩa Đồng và 8,63 km² diện tích tự nhiên, 8.456 người của xã Nghĩa Thịnh. Sau khi thành lập, xã Đồng Thịnh có 20,00 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 21.386 người.

Xã Đồng Thịnh giáp xã Hoàng Nam, xã Nghĩa Thái, xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng; xã Yên Phúc, huyện Ý Yên; xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản; xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực.

3.19. Thành lập xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu trên cơ sở nhập toàn bộ: 4,06 km² diện tích tự nhiên, 7.479 người của xã Hải Hà; 4,90 km² diện tích tự nhiên, 7.514 người của xã Hải Thanh và 6,07 km² diện tích tự nhiên, 13.212 người của xã Hải Hưng. Sau khi thành lập, xã Hải Hưng có 15,03 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 28.205 người.

Xã Hải Hưng giáp xã Hải Lộc, xã Hải Quang, xã Hải Nam (mới), thị trấn Yên Định (mới), huyện Hải Hậu; xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường.

3.20. Thành lập xã Hải Xuân, huyện Hải Hậu trên cơ sở nhập toàn bộ: 2,91 km² diện tích tự nhiên, 6.039 người của xã Hải Triều; 6,77 km² diện tích tự nhiên, 7.538 người của xã Hải Cường và 5,44 km² diện tích tự nhiên, 9.686 người của xã Hải Xuân. Sau khi thành lập, xã Hải Xuân có 15,12 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 23.263 người.

Xã Hải Xuân giáp xã Hải Phú, xã Hải Sơn, xã Hải Châu, xã Hải Hòa, thị trấn Cồn (mới), huyện Hải Hậu và giáp biển Đông.

3.21. Thành lập xã Hải Nam, huyện Hải Hậu trên cơ sở nhập toàn bộ: 3,19 km² diện tích tự nhiên, 11.566 người của xã Hải Vân; 6,74 km² diện tích tự nhiên, 7.556 người của xã Hải Phúc và 7,74 km² diện tích tự nhiên, 9.314 người của xã Hải Nam. Sau khi thành lập, xã Hải Nam có 17,67 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 28.436 người.

Xã Hải Nam giáp xã Hải Lộc, xã Hải Hưng (mới), huyện Hải Hậu; xã Xuân Ninh, xã Xuân Vinh, xã Xuân Phúc (mới), huyện Xuân Trường; xã Giao Thịnh, thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy.

3.22. Thành lập thị trấn Quỹ Nhất, huyện Nghĩa Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ: 8,15 km² diện tích tự nhiên, 5.306 người của xã Nghĩa Bình; 6,28 km² diện tích tự nhiên, 6.223 người của xã Nghĩa Tân và 5,55 km² diện tích tự nhiên, 6.970 người của thị trấn Quỹ Nhất. Sau khi thành lập, thị trấn Quỹ Nhất có 19,98 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 18.499 người.

Thị trấn Quỹ Nhất giáp xã Nghĩa Phong, xã Nghĩa Phú, xã Nghĩa Hùng, xã Nghĩa Lâm, xã Nghĩa Thành, xã Nghĩa Lợi, xã Phúc Thắng, huyện Nghĩa Hưng.

3.23. Thành lập thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu trên cơ sở nhập toàn bộ: 4,08 km² diện tích tự nhiên, 7.765 người của xã Hải Bắc; 4,97 km² diện tích tự nhiên, 8.505 người của xã Hải Phương và 1,77 km² diện tích tự nhiên, 6.974 người của thị trấn Yên Định. Sau khi thành lập, thị trấn Yên Định có 10,82 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 23.244 người.

Thị trấn Yên Định giáp xã Hải Hưng (mới), xã Hải Trung, xã Hải Long, xã Hải Sơn, xã Hải Tân, xã Hải Quang, huyện Hải Hậu; xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường.

3.24. Thành lập thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu trên cơ sở nhập toàn bộ: 3,47 km² diện tích tự nhiên, 6.279 người của xã Hải Chính; 5,94 km² diện tích tự nhiên, 12.773 người của xã Hải Lý và 2,17 km² diện tích tự nhiên, 8.844 người của thị trấn Cồn. Sau khi thành lập, thị trấn Cồn có 11,58 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.896 người.

Thị trấn Cồn giáp xã Hải Xuân (mới), xã Hải Sơn, xã Hải Tân, xã Hải Tây, xã Hải Đông, huyện Hải Hậu.

3.25. Thành lập thị trấn Giao Thủy, huyện Giao Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ: 5,81 km² diện tích tự nhiên, 10.480 người của xã Hoàn Sơn; 8,74 km² diện tích tự nhiên, 18.544 người của xã Giao Tiến và 2,78 km² diện tích tự nhiên, 7.857 người của thị trấn Ngô Đồng. Sau khi thành lập, thị trấn Giao Thủy có 17,33 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 36.881 người.

Thị trấn Giao Thủy giáp xã Hồng Thuận, xã Bình Hòa, xã Giao Hà, xã Giao Nhân, xã Giao Châu, xã Giao Yên, xã Giao Tân, huyện Giao Thủy; xã Xuân Phú, xã Thọ Nghiệp, xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường; tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Sau khi mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định, thành lập 03 phường và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023 - 2025 thì tỉnh Nam Định có diện tích tự nhiên là 1.668,82 km², quy mô dân số là 2.256.396 người, có 09 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 08 huyện và 01 thành phố), có 175 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 146 xã, 14 phường, 15 thị trấn), cụ thể như sau:

1. Thành phố Nam Định có diện tích tự nhiên là 120,9 km², quy mô dân số là 364.181 người; có 21 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 14 phường, 7 xã).

2. Huyện Vụ Bản có diện tích tự nhiên là 152,81 km²; quy mô dân số là 156.093 người; có 14 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 13 xã, 01 thị trấn).

3. Huyện Ý Yên có diện tích tự nhiên là 246,13 km²; quy mô dân số là 279.763 người; có 23 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 22 xã, 01 thị trấn).

4. Huyện Nam Trực có diện tích tự nhiên là 163,89 km²; quy mô dân số là 231.064 người; có 18 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 17 xã, 01 thị trấn).

5. Huyện Nghĩa Hưng có diện tích tự nhiên là 258,89 km²; quy mô dân số là 220.324 người; có 20 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 17 xã, 03 thị trấn).

6. Huyện Xuân Trường có diện tích tự nhiên là 116,09 km²; quy mô dân số là 212.862 người; có 14 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 13 xã, 01 thị trấn).

7. Huyện Hải Hậu có diện tích tự nhiên là 228,14 km²; quy mô dân số là 334.440 người; có 24 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 21 xã, 03 thị trấn).

8. Huyện Giao Thủy có diện tích tự nhiên là 238,02 km²; quy mô dân số là 235.010 người; có 20 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 18 xã, 02 thị trấn).

9. Huyện Trực Ninh có diện tích tự nhiên là 143,95 km²; quy mô dân số là 222.659 người; có 21 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 18 xã, 03 thị trấn).

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hoàn thiện hồ sơ theo quy định để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khóa XIX, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 13 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 3 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Như Điều 3, Điều 4;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website Chính phủ; Website tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. *7K05*

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính